

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 26

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS  
Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND  
(Ba mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần  
Mã chứng khoán: ATS  
Sàn giao dịch: HNX

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco	Thôn Phú Long Ba, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội	Tạm ngừng hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2026
Văn phòng giao dịch - Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Tầng 4, toà nhà SHG số 8 đường Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Đang hoạt động
Địa điểm kinh doanh - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Lô XN 03, 04, 13, 14, 15, 16 Khu công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Phòng	Đang hoạt động

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống.

### 2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Phúc Thiên Ân	Chủ tịch	19/04/2024
Bà Trần Thị Thuý Hằng	Thành viên	19/04/2024
Ông Nguyễn Trương Quốc Cường	Thành viên độc lập	19/04/2024

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lâm Thị Thanh Huệ	Trưởng ban	19/04/2024
Bà Đào Thị Ngọc Bích	Thành viên	19/04/2024
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên	19/04/2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Kiến Trúc	Tổng Giám đốc	19/04/2024	21/03/2025
Ông Trần Tự Lực	Tổng Giám đốc	21/03/2025	-
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	23/02/2022	-

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Phúc Thiên Ân	Chủ tịch

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính**

a. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-ATS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS
Mã chứng khoán:	ATS
Loại cổ phiếu phát hành:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	36.000.000 cổ phiếu
Phương thức chào bán:	chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Giá chào bán cổ phiếu:	10.000 VND/cổ phiếu
Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần TV - TM - DV Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận
Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:	360.000.000.000 VND
Thời gian dự kiến chào bán:	Năm 2025 – 2026

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.

b. Theo Giấy xác nhận số 629930/25 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ấn Công nghiệp Atesco đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Để lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **7. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRẦN PHÚC THIÊN AN**  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Số: 162/2026/BCKT-HCM.01518

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS ("Công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

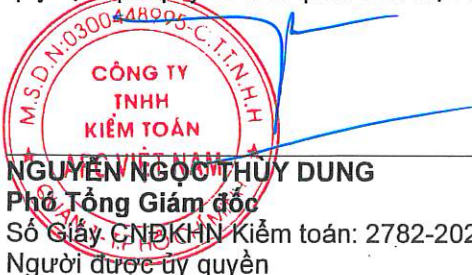
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

  
**NGUYỄN NGỌC THÙY DUNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2782-2024-009-1  
Người được ủy quyền

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM**  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

  
**NGUYỄN THỊ THÙY TRANG**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 4128-2022-009-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.811.694.927</b>	<b>15.231.771.464</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>55.378.627</b>	<b>962.442.410</b>
Tiền	111		55.378.627	962.442.410
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.004.451.500</b>	<b>4.525.017.958</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.991.588.500	4.460.018.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	2.739.972.300
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	12.863.000	10.999.958
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	-	(2.685.972.300)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.5	<b>28.208.529</b>	<b>10.884.917</b>
Hàng tồn kho	141		28.208.529	10.884.917
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.723.656.271</b>	<b>9.733.426.179</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	2.520.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	11.721.136.271	9.733.426.179
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>33.106.920.137</b>	<b>33.143.354.272</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.394.898</b>	<b>98.750.286</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	76.394.898	98.750.286
Nguyên giá	222		213.124.969	213.124.969
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(136.730.071)	(114.374.683)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>33.000.000.000</b>	<b>33.000.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		33.000.000.000	33.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.525.239</b>	<b>44.603.986</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	30.525.239	44.603.986
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>49.918.615.064</b>	<b>48.375.125.736</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>5.736.248.189</b>	<b>4.722.235.191</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.736.248.189</b>	<b>4.722.235.191</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.080.073.090	3.887.986.930
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	142.885.299	165.455.461
Phải trả người lao động	314		472.289.800	568.792.800
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		41.000.000	100.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>44.182.366.875</b>	<b>43.652.890.545</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.11	<b>44.182.366.875</b>	<b>43.652.890.545</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.182.366.875	8.652.890.545
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.652.890.545	8.454.150.329
LNST chưa phân phối năm nay	421b		529.476.330	198.740.216
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>49.918.615.064</b>	<b>48.375.125.736</b>

  
NGUYỄN THỊ HÀ  
Người lập biểu

  
CHÂU THỊ SƯƠNG MAI  
Kế toán trưởng



  
TRẦN PHÚC THIÊN ÂN  
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	47.513.710.650	50.615.224.450
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>47.513.710.650</b>	<b>50.615.224.450</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	44.793.417.888	47.967.272.785
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>2.720.292.762</b>	<b>2.647.951.665</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	347.576	261.456
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.056.463.843	1.872.335.821
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>664.176.495</b>	<b>775.877.300</b>
Thu nhập khác	31		-	1.150.000
Chi phí khác	32	6.5	1.864.866	422.881.623
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(1.864.866)</b>	<b>(421.731.623)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>662.311.629</b>	<b>354.145.677</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.10	132.835.299	155.405.461
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>529.476.330</b>	<b>198.740.216</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	151	57

NGUYỄN THỊ HÀ  
Người lập biểu

CHÂU THỊ SƯƠNG MAI  
Kế toán trưởng




TRẦN PHÚC THIÊN ÂN  
Chủ tịch

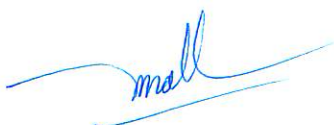
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		662.311.629	354.145.677
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02	5.7	22.355.388	13.026.683
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		(2.685.972.300)	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	6.3	(347.576)	(261.456)
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(2.001.652.859)</b>	<b>366.910.904</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		218.828.666	(1.660.525.237)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(17.323.612)	57.322.022
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		1.036.583.160	(2.203.985.608)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		11.558.747	(31.359.697)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.10	(155.405.461)	(171.311.619)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(907.411.359)</b>	<b>(3.642.949.235)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(111.776.969)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(33.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	37.710.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		347.576	261.456
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>347.576</b>	<b>4.598.484.487</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(907.063.783)</b>	<b>955.535.252</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	5.1	<b>962.442.410</b>	<b>6.907.158</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>55.378.627</b>	<b>962.442.410</b>

  
 NGUYỄN THỊ HÀ  
 Người lập biểu

  
 CHÂU THỊ SƯƠNG MAI  
 Kế toán trưởng

  
 TRẦN PHÚC THIÊN ÂN  
 Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND  
(Ba mươi lăm tỷ đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần  
Mã chứng khoán: ATS  
Sàn giao dịch: HNX

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa; Đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng trong khoảng thời gian cụ thể; Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền (trừ cung cấp suất ăn hàng không);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Kinh doanh bất động sản (không thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ đấu giá tài sản) (trừ tư vấn mang tính pháp lý);
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ ăn uống.

### 1.4 Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 1.5 Cấu trúc Công ty

#### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Tình hình hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco	Thôn Phú Long Ba, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội	Tạm ngưng hoạt động đến ngày 31 tháng 12 năm 2026
Văn phòng giao dịch - Địa điểm kinh doanh Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Tầng 4, tòa nhà SHG số 8 đường Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	Đang hoạt động
Địa điểm kinh doanh - Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS	Lô XN 03, 04, 13, 14, 15, 16 Khu công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Phòng	Đang hoạt động

### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 39 người (31/12/2024: 44 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không năm hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### 4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

#### **Chi phí trả trước ngắn hạn**

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

#### **Chi phí trả trước dài hạn**

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất năm các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

### 4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 4.9 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### **4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **4.13 Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư tài chính dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

***Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)***

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.14 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tồn quỹ – VND	44.320.454	958.525.014
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	11.058.173	3.917.396
	<b>55.378.627</b>	<b>962.442.410</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty TNHH Sumidenso Việt Nam	4.991.588.500	4.460.018.000
	<b>4.991.588.500</b>	<b>4.460.018.000</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	Giá trị VND	31/12/2025 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2025 Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</b>				
Đặt cọc thuê văn phòng	12.863.000	-	10.999.958	-
	<b>12.863.000</b>	<b>-</b>	<b>10.999.958</b>	<b>-</b>

**5.4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2025 Dự phòng VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	01/01/2025 Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán</b>						
Công ty cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh	-	-	Trên 3 năm	1.654.917.300	0	(1.654.917.300)
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Kiến trúc Greendetech	-	-	Trên 3 năm	951.055.000		(951.055.000)
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu	-	-	Trên 3 năm	80.000.000		(80.000.000)
	-	-		<b>2.685.972.300</b>		<b>(2.685.972.300)</b>

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	2.685.972.300	2.685.972.300
Xóa nợ	2.685.972.300	-
Số dư cuối năm	<b>-</b>	<b>2.685.972.300</b>

**5.5 Hàng tồn kho**

	Giá trị VND	31/12/2025 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2025 Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	28.208.529	-	10.884.917	-
	<b>28.208.529</b>	<b>-</b>	<b>10.884.917</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.520.000	-
	<b>2.520.000</b>	<b>-</b>

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.525.239	44.603.986
	<b>30.525.239</b>	<b>44.603.986</b>

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2025	213.124.969	213.124.969
Tăng trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2025	<b>213.124.969</b>	<b>213.124.969</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2025	114.374.683	114.374.683
Khấu hao trong năm	22.355.388	22.355.388
Tại ngày 31/12/2025	<b>136.730.071</b>	<b>136.730.071</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2025	98.750.286	98.750.286
Tại ngày 31/12/2025	<b>76.394.898</b>	<b>76.394.898</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng</b>		
Tại ngày 01/01/2025	101.348.000	101.348.000
Tại ngày 31/12/2025	101.348.000	101.348.000

**5.8 Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>						
Công ty cổ phần Đầu tư -						
Quản lý Bất động sản CPG	33.000.000.000	-	(*)	33.000.000.000	-	(*)
	<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>		<b>33.000.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)**

Tình hình đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tại ngày 31/12/2025 Số cổ phần Công ty năm giữ	Tỷ lệ %
Công ty cổ phần Đầu tư - Quản lý Bất động sản CPG	Số 0315172796 đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 29 tháng 7 năm 2025 do Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp	200.000.000.000 VND	3.300.000 cổ phần	16,50

**5.9 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2025</b>		<b>01/01/2025</b>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>				
Công ty TNHH QT Food	1.805.127.383	1.805.127.383	1.386.477.850	1.386.477.850
Hệ kinh doanh Phạm Thị Lan	1.707.554.500	1.707.554.500	644.895.000	644.895.000
Công ty cổ phần thương mại, dịch vụ và xây dựng Trường Thịnh	588.824.335	588.824.335	452.155.000	452.155.000
Các nhà cung cấp khác	978.566.872	978.566.872	1.404.459.080	1.404.459.080
	<b>5.080.073.090</b>	<b>5.080.073.090</b>	<b>3.887.986.930</b>	<b>3.887.986.930</b>

**5.10 Thuế*****Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ***

	<b>31/12/2025</b> VND	<b>01/01/2025</b> VND
Thuế GTGT được khấu trừ	<b>11.721.136.271</b>	<b>9.733.426.179</b>

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT là 0%, 8% và 10%.

***Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước***

	<b>01/01/2025</b> Phải nộp VND	<b>Số phát sinh trong năm</b>		<b>31/12/2025</b> Phải nộp VND
		<b>Số phải nộp</b> VND	<b>Số đã nộp</b> VND	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	155.405.461	132.835.299	(155.405.461)	132.835.299
Thuế thu nhập cá nhân	10.050.000	40.200.000	(40.200.000)	10.050.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.364.866	(6.364.866)	-
<b>Cộng</b>	<b>165.455.461</b>	<b>179.400.165</b>	<b>(201.970.327)</b>	<b>142.885.299</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được ước tính như sau:

	2025 VND	2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	662.311.629	354.145.677
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán trước thuế:		
Chi phí không được trừ	1.864.866	422.881.623
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>664.176.495</b>	<b>777.027.300</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>132.835.299</b>	<b>155.405.461</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.11 Vốn chủ sở hữu****5.11.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024	35.000.000.000	8.454.150.329	43.454.150.329
Lãi trong năm	-	198.740.216	198.740.216
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>8.652.890.545</b>	<b>43.652.890.545</b>
Tại ngày 01/01/2025	35.000.000.000	8.652.890.545	43.652.890.545
Lãi trong năm	-	529.476.330	529.476.330
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>9.182.366.875</b>	<b>44.182.366.875</b>

**5.11.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0100830798 đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 17 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 35.000.000.000 VND  
(Ba mươi lăm tỷ đồng)  
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND  
Tổng số cổ phần: 3.500.000 cổ phần  
Mã chứng khoán: ATS  
Sàn giao dịch: HNX

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Chi tiết vốn góp của các cổ đông:

Cổ đông	31/12/2025		01/01/2025	
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Trương Nguyễn Hoàng Việt	698.060	19,94	-	-
Bà Trần Thị Thanh	347.700	9,93	347.700	9,93
Bà Nguyễn Thị Thúy	338.610	9,68	-	-
178 cổ đông khác	2.115.630	60,45	3.152.300	90,07
	<b>3.500.000</b>	<b>100,00</b>	<b>3.500.000</b>	<b>100,00</b>

**5.11.3 Cổ phiếu**

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

**5.12 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****5.12.1 Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty cổ phần Thực phẩm Thảo Nguyên Xanh	1.654.917.300	-
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Kiến trúc Greendetech	951.055.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quảng Châu	80.000.000	-
	<b>2.685.972.300</b>	<b>-</b>

Lý do xóa nợ: nợ không có khả năng thu hồi.

**5.12.2 Tài sản thuê ngoài**

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	VND
Dưới 1 năm	53.369.820
Trên 1 năm đến dưới 3 năm	20.885.760
	<b>74.255.580</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Doanh thu cung cấp suất ăn	47.513.710.650	50.615.224.450
	<b>47.513.710.650</b>	<b>50.615.224.450</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Giá vốn cung cấp suất ăn	44.793.417.888	47.967.272.785
	<b>44.793.417.888</b>	<b>47.967.272.785</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	347.576	261.456
	<b>347.576</b>	<b>261.456</b>

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Chi phí nhân viên	1.343.880.000	1.381.308.000
Phí thẩm định giá	190.000.000	-
Chi phí khác	522.583.843	491.027.821
	<b>2.056.463.843</b>	<b>1.872.335.821</b>

**6.5 Chi phí khác**

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Phạt thuế	1.864.866	398.147.623
Chi phí khác	-	24.734.000
	<b>1.864.866</b>	<b>422.881.623</b>

**6.6 Lãi trên cổ phiếu****6.6.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>2025</b> VND	<b>2024</b> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	529.476.330	198.740.216
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	529.476.330	198.740.216
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.500.000	3.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>151</b>	<b>57</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6.6.2 Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**6.7 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.938.913.488	42.587.302.185
Chi phí nhân công	6.198.384.400	6.761.278.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.355.388	13.026.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.096.887	144.912.654
Chi phí khác	550.131.568	333.088.484
	<b>46.849.881.731</b>	<b>49.839.608.606</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Công ty đã thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp. Mặc dù sự thay đổi này không làm ảnh hưởng đến dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của Công ty nhưng cách thức trình bày chi tiết các luồng tiền từ hoạt động kinh doanh sẽ khác nhau giữa hai phương pháp. Để đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp.

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính không được niêm yết. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

**ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

**iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>			
Phải trả người bán	5.080.073.090	-	5.080.073.090
Phải trả khác và chi phí phải trả	41.000.000	-	41.000.000
	<b>5.121.073.090</b>	<b>-</b>	<b>5.121.073.090</b>
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>			
Phải trả người bán	3.887.986.930	-	3.887.986.930
Phải trả khác và chi phí phải trả	100.000.000	-	100.000.000
	<b>3.987.986.930</b>	<b>-</b>	<b>3.987.986.930</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Các khoản phải thu</i>				
Phải thu khách hàng	4.991.588.500	4.460.018.000	4.991.588.500	4.460.018.000
Phải thu khác	12.863.000	10.999.958	12.863.000	10.999.958
<i>Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</i>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.378.627	962.442.410	55.378.627	962.442.410
Đầu tư dài hạn	33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.059.830.127</b>	<b>38.433.460.368</b>	<b>38.059.830.127</b>	<b>38.433.460.368</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ</i>				
Phải trả người bán	5.080.073.090	3.887.986.930	5.080.073.090	3.887.986.930
Phải trả khác và chi phí phải trả	41.000.000	100.000.000	41.000.000	100.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.121.073.090</b>	<b>3.987.986.930</b>	<b>5.121.073.090</b>	<b>3.987.986.930</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết trình trên Báo cáo tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin về khoản trả nợ của từng khách hàng và đối tượng nợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

**Tài sản bảo đảm**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**9. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận không được trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là dịch vụ và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**10. CÁC THÔNG TIN KHÁC****10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

	2025 VND	2024 VND
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc		
• Ông Phạm Anh Tuấn	490.260.000	482.454.000
	<b>490.260.000</b>	<b>482.454.000</b>

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt*

Trong năm, Công ty không có giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Trong năm, Công ty không có giao dịch và số dư với các bên liên quan khác.

**10.2 Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính**

a. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-ATS ngày 08 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ Công ty, chi tiết như sau:

Tổ chức phát hành:	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS
Mã chứng khoán:	ATS
Loại cổ phiếu phát hành:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 VND/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán:	36.000.000 cổ phiếu
Phương thức chào bán:	chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
Giá chào bán cổ phiếu:	10.000 VND/cổ phiếu
Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:	Nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần TV - TM - DV Địa ốc Hoàng Quân Bình Thuận
Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:	360.000.000.000 VND
Thời gian dự kiến chào bán:	Năm 2025 – 2026

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nêu trên.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS

Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

**Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính và sau ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo)**

b. Theo Giấy xác nhận số 629930/25 ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp, chi nhánh Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco đang tạm ngừng hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

**NGUYỄN THỊ HÀ**  
Người lập biểu

**CHÂU THỊ SƯƠNG MAI**  
Kế toán trưởng



**TRẦN PHÚC THIÊN ÂN**  
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**ATS**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 03/2026/CV-ATS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2026

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận so  
với cùng kỳ năm trước

**Kính gửi:** - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS**

Mã chứng khoán: **ATS**

Địa chỉ: Số 11.24, tầng 11 toà nhà Golden King, số 15 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Mỹ, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại liên hệ: 0919012659

Fax:

E-mail: quanhecodong.ats@gmail.com

Căn cứ Thông tư số: 96/2020/TT-BTC, Công ty phải giải trình Báo cáo tài chính trong trường hợp “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước”. Công ty cổ phần Tập đoàn đầu tư ATS (gọi tắt là “Công ty ATS”) giải trình như sau:

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư ATS, trong đó lợi nhuận sau thuế năm 2025 là 529.476.330 đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 198.740.216 đồng. Như vậy, lợi nhuận năm 2025 tăng 166,4% so với năm 2024.

Lý do: Công ty không có phát sinh khoản chi phí khác đột biến như năm 2024 (422.881.623 đồng).

Công ty cam kết các nội dung giải trình trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về các nội dung này.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ ATS**

